

Bản án số: 597/2019/DS-ST

Ngày : 23-12-2019

V/v tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Ngọc Mạnh

2. Bà Trần Thị Bảo Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2019/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị N sinh năm 1984

Địa chỉ: đường M, Phường L, Quận T, Thành phố H.

(có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trần Vương T sinh năm 1971

Địa chỉ: đường M, Phường L, Quận T, Thành phố H.

(vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Trương Vĩ T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: đường M, Phường L, Quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T : Bà Ngô Thị N, sinh năm 1984 (theo Giấy ủy quyền lập ngày 18/6/2019 tại Văn Phòng Công chứng V)

(có mặt)

3.2 Ông Thái Bá K, sinh năm 1972

Địa chỉ: đường M, Phường L, Quận T, Thành phố H.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 01/11/2019 và ngày 07/11/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:

Bà Trần Vương T ở cạnh nhà của bà, do là hàng xóm quen biết nên bà tin tưởng cho mượn tiền. Bà T nói nhà khó khăn đang cần tiền để sửa nhà dưới quê, để làm ăn kinh doanh nên bà có cho bà T mượn tiền các lần như sau:

+ Ngày 19/8/2018 bà có cho bà Trần Vương T vay mượn số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

+ Ngày 25/9/2018 bà có cho bà Trần Vương T vay mượn số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng.

+ Ngày 22/10/2018 bà có cho bà Trần Vương T vay mượn số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

+ Ngày 21/11/2018 bà có cho bà Trần Vương T vay mượn số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Các lần vay mượn trên, hai bên đều có viết giấy mượn tiền (bằng giấy tay), không tính lãi suất.

+ Ngày 03/3/2019 bà có cho bà Trần Vương T vay mượn số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng - Không có làm giấy vay mượn.

+ Ngày 17/5/2019 bà có cho bà Trần Vương T vay mượn số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng – Không có làm giấy vay mượn.

Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết: Yêu cầu bà Trần Vương T trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 138.000.000 (một trăm ba mươi tám triệu) đồng, không tính lãi suất.

Tại bản tự khai đề ngày 01/11/2019, biên bản hòa giải ngày 01/11/2019, bị đơn bà Trần Vương T trình bày: Bà xác nhận bà có vay mượn của bà Ngô Thị N như phía bà N trình bày là đúng. Bà đã vay mượn của bà Ngô Thị N số tiền vay tổng cộng là 138.000.000 đồng làm nhiều lần vay, hai bên có thỏa thuận bằng miệng lãi suất là 10%/tháng. Cụ thể các lần bà vay mượn tiền của bà N như sau:

+ Ngày 19/8/2018 bà vay của bà N số tiền 50.000.000 đồng.

+ Ngày 25/9/2018 vay số tiền 40.000.000 đồng. Đã trả lãi 5.000.000 đồng (cho khoản vay ngày 19/8/2018).

+ Ngày 22/10/2018 vay số tiền 20.000.000 đồng. Đã trả lãi 9.000.000 đồng (cho hai khoản vay ngày 19/8/2018 và ngày 25/9/2018).

+ Ngày 21/11/2018 vay số tiền 20.000.000 đồng. Đã trả lãi 11.000.000 đồng (cho ba khoản vay ngày 19/8/2018, ngày 25/9/2018, ngày 22/10/2018).

+ Tháng 12/2018, bà đã trả lãi 13.000.000 đồng.

+ Từ tháng 01/2019 đến tháng 04/2019, mỗi tháng bà đều trả lãi 13.500.000 đồng. Đến tháng 05/2019, do hoàn cảnh khó khăn, bà không trả tiếp được nữa nên bà đi về quê.

Các lần vay mượn trên - hai bên đều có viết giấy mượn tiền (bằng giấy tay). Việc trả lãi không có làm giấy biên nhận.

+ Ngày 03/3/2019 bà có vay mượn thêm của bà N số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 17/5/2019 mượn số tiền 3.000.000 đồng (Không có làm giấy vay mượn).

Bà Trần Vương T đồng ý trả cho bà N số tiền vay gốc còn thiếu. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, bà xin Tòa xem xét tính lại lãi đã trả theo quy định của pháp luật, không tính lãi thêm.

Phương thức thanh toán nợ gốc: Mỗi tháng sẽ trả số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Vĩ T1- có người đại diện theo ủy quyền là bà Ngô Thị N trình bày: Ý kiến của ông T giống ý kiến của bà, ông T ủy quyền cho bà quyết định mọi vấn đề.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Bá K trình bày: Ông có cùng ý kiến với bà Trần Vương T và ông đồng ý trả cho bà N số tiền vay gốc. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, ông xin Tòa xem xét tính lại lãi đã trả theo quy định của pháp luật, không tính lãi thêm.

Phương thức thanh toán nợ gốc: Mỗi tháng sẽ trả số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi hết số nợ trên.

Về tiền lãi vay: Bị đơn bà Trần Vương T cho rằng đã trả cho bà N lãi suất 10%/tháng. Tại các buổi hòa giải ngày 01/11/2019, ngày 07/11/2019, nguyên đơn bà Ngô Thị N xác nhận là không có tính lãi, bà không nhận đồng lãi nào, chỗ chị em hàng xóm quen biết nhiều năm, nhà cạnh nhau nên bà tin tưởng cho mượn tiền mà không lấy lãi. Riêng ông Thái Bá K trình bày do vợ của ông (là bà T) giấu diếm việc vay mượn giữa hai bên không nói cho ông biết, về lãi suất vợ của ông là bà T trình bày đã trả phía nguyên đơn là 10%/tháng – không giấy tờ ký nhận giữa hai bên.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bà Trần Vương T , ông Thái Bá K theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn bà Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Ông Thái Bá K có ý kiến như sau: Ông không có ý kiến gì về số nợ vay, ông không có khả năng trả. Về tiền lãi: ông cho rằng lãi vay 10%/tháng, ông xin Tòa tính lại tiền lãi vay theo quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn bà Ngô Thị N xác nhận là việc vay mượn giữa bà và bà Trần Vương T là không có tính lãi suất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định pháp luật từ Điều 70, Điều 71 đến Điều 72, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị N yêu cầu buộc bà Trần Vương T trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 138.000.000 đồng, không tính lãi suất. Yêu cầu của nguyên

đơn là có cơ sở xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tính lại lãi suất của bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Do chỉ có lời khai của bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn không thừa nhận. Ngoài ra, phía bị đơn không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên yêu cầu tính lại lãi suất của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa có cơ sở nên VKS đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2019 của bà Ngô Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn bà Trần Vương T cư trú tại Quận 8, theo qui định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, bị đơn bà Trần Vương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T .

[2]. Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Ngô Thị N yêu cầu bà Trần Vương T trả số tiền đã vay tổng cộng là 138.000.000 đồng, không tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hợp đồng vay, lãi suất : Bà Ngô Thị N cho bà Trần Vương T vay mượn nhiều lần tổng số tiền là 130.000.000 đồng, các lần vay này hai bên có lập giấy vay (bằng giấy tay ghi tiêu đề là Đơn mượn tiền); lãi suất vay: không có thỏa thuận lãi suất; thời hạn vay: Không có thỏa thuận thời hạn trả. Riêng số tiền mượn thêm ở 02 lần cuối là 8.000.000 đồng thì không có lập giấy vay. Xét, các bên tham gia ký kết Giấy vay tiền trên cơ sở tự nguyện, nội dung của Hợp đồng vay phù hợp với quy định tại Điều 398, Điều 401, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 và được các bên thừa nhận nên Hợp đồng vay trên được xem là hợp pháp làm phát sinh hiệu lực pháp luật.

Sau khi vay mượn, do hoàn cảnh khó khăn nên bà Trần Vương T đã không trả được tiền vay cho bà N , bà T đi về quê sống. Bà N đã thông báo đòi tiền vay đến gia đình bà T nhưng không có kết quả. Vì vậy bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà số tiền đã vay mượn là 138.000.000 đồng, không tính lãi suất. Xét, yêu cầu của nguyên đơn bà N là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và bị đơn bà T cũng đồng ý trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn, buộc bà Trần Vương T có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Ngô Thị N số tiền vay tổng cộng là 138.000.000 đồng, không tính lãi suất.

Về phía bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Bá K yêu cầu Tòa án xem xét tính lại lãi suất đã trả cho nguyên đơn theo qui định của pháp luật:

+ Bị đơn bà Trần Vương T cho rằng khi vay mượn đã trả cho nguyên đơn lãi suất 10%/tháng nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận, trong Giấy mượn tiền (Đơn mượn tiền mà hai bên lập) cũng không ghi, không thể hiện lãi suất vay. Bị đơn bà Trần Vương T trình bày bà đã trả lãi nhiều lần, lúc trả tiền lãi chỉ đưa cho nguyên đơn mà không có ký nhận. Việc trả lãi chỉ có bị đơn biết, không có giấy tờ ghi lại để chứng minh, không có người làm chứng và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Khuê xác nhận không biết việc vay mượn giữa vợ ông là bà T với bà N mà tại phiên tòa hôm nay có yêu cầu tính lại lãi suất vay 10%/tháng mà không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh việc bà T vợ ông đã trả lãi.

+ Phía nguyên đơn bà Ngô Thị N xác nhận là không có tính lãi, bà không nhận đồng lãi nào, chỗ chị em hàng xóm quen biết nhiều năm, nhà cạnh nhau nên bà tin tưởng cho mượn tiền mà không lấy lãi.

Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng với các bản tự khai, lời trình bày của các đương sự thì phía bị đơn bà T cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thái Bá K không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc có trả lãi cho phía nguyên đơn. Nguyên đơn cũng không thừa nhận việc nhận lãi. Nên căn cứ quy định tại các Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về chứng cứ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu trên của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Ngô Thị N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ Bị đơn bà Trần Vương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là:

$5\% \times 138.000.000 \text{ đồng} = 6.900.000 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 233, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 468, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N.

1. Buộc bà Trần Vương T phải thanh toán cho bà Ngô Thị N số tiền là 138.000.000 (một trăm ba mươi tám triệu) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Ngô Thị N có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu bà Trần Vương T chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Vương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.900.000 (sáu triệu chín trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.450.000 (ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019771 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THA Dân sự Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Hiệp